

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HS-PT

Ngày: 13/8/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Phùng Anh Dũng**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 326/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo **Nguyễn Vũ K** và **Nguyễn Đức T** về tội “*Nhận hối lộ*” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai).

** Các bị cáo kháng cáo:*

1. Họ và tên: **Nguyễn Vũ K**, sinh ngày: 12/10/1972 tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: **A N, phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định**; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc **Trung tâm Đ**; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên **Đ1** (đã xóa tên trong danh sách đảng viên từ ngày 15/01/2025); Con ông: **Nguyễn Văn N** (chết) và bà **Phan Thị T1** (chết); Vợ: **Phan Thị Thanh T2**, sinh năm 1972; Con: 02 người, sinh năm 2000 và năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến ngày 06/02/2024, được áp dụng biện pháp “Bảo lãnh”. Hiện đang được tại ngoại.
Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh ngày: 25/7/1980 tại tỉnh Kon Tum; Nơi thường trú: **Thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum**; Chỗ ở hiện nay: Lô A1.01 Khu A, **Khu K, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**; Nghề nghiệp: Phó Giám

độc **Trung tâm Đ**; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên **Đ1** (đã đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 10/12/2024); Con ông: **Nguyễn Văn L** (chết) và bà **Lê Thị K1**; Vợ: **Nguyễn Hoàng Thúy N1**, sinh năm 1987; Con: 02 người, sinh năm 2015 và năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến ngày 06/02/2024 được áp dụng biện pháp “Bảo lãnh”. Hiện đang được tại ngoại. **Có mặt.**

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Vũ K:*

3. Ông **Trương Quốc D** - Luật sư của **Văn phòng L1** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh B** bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Vũ Ka**. Địa chỉ: **D P, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai)**. **Vắng mặt.**

4. Ông **Bùi Văn P** – Luật sư của **Công ty L2** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh B** (nay là tỉnh Gia Lai); địa chỉ: **F N, phường Q, tỉnh Gia Lai**. **Có mặt.**

Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Đức T:*

5. Ông **Nguyễn Văn H** - Luật sư của **Văn phòng L3** thuộc **Đoàn Luật sư thành phố H** bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Đức T**. Địa chỉ: **D M, phường I, quận A, thành phố Hồ Chí Minh**. **Có mặt.**

6. Ông **Đinh Văn H1** - Luật sư của **Văn phòng L4** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh K** bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Đức T**. Địa chỉ: **E N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum**. **Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

Ngoài ra, vụ án còn có các bị cáo **Ngô Văn S**, **Trần Đình T3**, **Trần Huy C1** và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. **Trung tâm Đ** (viết tắt là **Trung tâm Đăng kiểm**) là đơn vị trực thuộc **Công ty Cổ phần M**, địa chỉ: **Lô A (Khu A), Khu K, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**, được **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B** cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu ngày 15/10/2019, có chức năng nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ theo các quy định; cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới cải tạo. Ông **Nguyễn Vũ K** được phân công làm Giám đốc, ông **Nguyễn Đức T** và **Ngô Văn S** là Phó Giám đốc từ năm 2019; đến ngày 01/11/2022, Công ty có Quyết định cho ông **K** nghỉ việc, ông **T** được phân công phụ trách Trung tâm đến ngày 14/09/2023. Trung tâm Đăng kiểm có 10 Đăng kiểm viên, trong đó có 04 Đăng kiểm viên được **Cục Đ2** cấp Giấy chứng nhận được nghiệm thu cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm: **Nguyễn Vũ K**, **Nguyễn Đức T**, **Ngô Văn S** và **Trần Đình T3**.

Công ty TNHH T7 (viết tắt là Công ty T7) được thành lập vào ngày 18/10/2018 do Trần Huy C1 (sinh năm 1980, trú tại thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định) làm Giám đốc, ngành nghề: tư vấn, thiết kế, cải tạo kỹ thuật phương tiện cơ giới đường bộ. Ngày 26/11/2019, Trần Huy C1 vào làm Đăng kiểm viên tại Trung tâm Đ nên C1 thuê Trần Văn H2 (em vợ C1) làm Giám đốc Công ty T7 nhưng thực tế C1 là người quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty, H2 chỉ làm Giám đốc thuê và được C1 trả lương 6.500.000 đồng/tháng.

Nguyễn Vũ K, Trần Đình T3 quen biết Trần Huy C1 khi C1 còn làm Giám đốc Công ty T7 do C1 thường nộp hồ sơ nghiệm thu cải tạo xe tại Trung tâm Đ (địa chỉ tại đường T, phường Q, TP ., tỉnh Bình Định). Khi Trung tâm 77-04D được thành lập và được Cục Đ2 cho phép thực hiện nghiệm thu cải tạo phương tiện xe cơ giới thì C1 đã chuyển hồ sơ cải tạo của Công ty T7 qua Trung tâm này để được nghiệm thu cải tạo.

2. Căn cứ Thông tư số 85/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ G quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (viết tắt là Thông tư số 85), việc cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được thực hiện theo quy trình sau:

- Thiết kế và thẩm định thiết kế:

- + Khi có nhu cầu cải tạo, chủ phương tiện sẽ liên hệ trực tiếp với cơ sở thiết kế để được hướng dẫn làm hồ sơ. Sau khi kiểm tra hồ sơ, giấy tờ, hiện trạng xe, nếu được phép cải tạo theo quy định, cơ sở thiết kế sẽ lập hồ sơ thiết kế gửi đến Cơ quan thẩm định thiết kế (Sở G hoặc Cục Đ2 tùy theo loại hình cải tạo), hồ sơ gồm các tài liệu sau: Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế; Hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo; Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế; Giấy đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

- + Trên cơ sở đó, Cơ quan thẩm định thiết kế tiến hành kiểm tra hồ sơ, nội dung thiết kế cải tạo phù hợp trách nhiệm thẩm định được quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 85 và thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định thiết kế theo khoản 5 Điều 7 Thông tư số 85. Nếu thiết kế đạt yêu cầu, Cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

- Thi công cải tạo xe cơ giới, nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (gọi tắt là Giấy chứng nhận cải tạo):

- + Việc thi công cải tạo phải thực hiện tại các cơ sở cải tạo có kinh doanh ngành nghề thi công cải tạo, sản xuất, lắp ráp xe cơ giới theo quy định của pháp

luật. Việc thi công cải tạo xe cơ giới phải thực hiện theo đúng thiết kế đã được thẩm định, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Xe cơ giới sau thi công cải tạo xuất xưởng phải được cơ sở cải tạo kiểm tra đảm bảo chất lượng sản phẩm. Kết quả kiểm tra được lập thành Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo (Điều 9 Thông tư số 85).

+ Nghiệm thu xe cơ giới cải tạo:

Xe cơ giới sau khi thi công cải tạo theo thiết kế đã thẩm định phải được **Cục Đ2** hoặc đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (gọi chung là Cơ quan nghiệm thu) nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (gọi tắt là Giấy chứng nhận cải tạo) (khoản 1 Điều 10 Thông tư số 85).

Thành phần nghiệm thu xe cơ giới cải tạo là Đăng kiểm viên đã được **Cục Đ2** tập huấn nghiệp vụ về các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, quy định trong công tác cải tạo xe cơ giới và đại diện cơ sở cải tạo xe (khoản 4 Điều 9 Thông tư số 85).

Hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo gồm: Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo; Thiết kế đã được thẩm định; Ảnh tổng thể chụp góc khoảng 45 độ phía trước và phía sau góc đối diện xe cơ giới sau cải tạo; Ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành cải tạo; Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo; Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế; Bản sao có xác nhận của cơ sở cải tạo các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành cải tạo... (khoản 7 Điều 10 Thông tư số 85).

Cơ quan nghiệm thu tiến hành kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ đúng và đủ theo quy định thì sẽ thông báo cho cơ sở cải tạo biết thời gian tổ chức nghiệm thu để phối hợp đưa xe cải tạo đến Trung tâm Đăng kiểm thực hiện kiểm tra xe thực tế và nghiệm thu xe cải tạo. Để tiến hành kiểm tra và nghiệm thu, Đăng kiểm viên trong Tổ nghiệm thu căn cứ vào nội dung thiết kế cải tạo của xe cơ giới, hiện trạng xe sau khi cải tạo và quy trình chung quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 85, cụ thể:

+ Kiểm tra vật liệu các chi tiết sử dụng trong cải tạo theo yêu cầu của thiết kế, trong đó có nội dung kiểm tra các giấy tờ nguồn gốc của động cơ; xuất xứ của vật tư, phụ tùng, vật liệu trong cải tạo.

+ Kiểm tra sự phù hợp về nội dung cải tạo của xe cơ giới so với hồ sơ thiết kế: Đối với trường hợp các xe tải sau khi cải tạo có thay đổi về trọng lượng thì phải cân lại trọng lượng để đảm bảo theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định.

Kết quả nghiệm thu được lập thành Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo có chữ ký của 02 (hai) Đăng kiểm viên, đại diện cơ sở cải tạo và chữ ký, đóng dấu của Cơ quan nghiệm thu (Phụ lục

IX ban hành kèm theo Thông tư số 85). Xe cơ giới sau cải tạo đã nghiệm thu đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định thì được cấp Giấy chứng nhận cải tạo.

3. Thực tế, **Công ty T7** là đơn vị nhận làm dịch vụ trọn gói từ thiết kế, thẩm định, nghiệm thu xuất xưởng, nghiệm thu cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho các chủ phương tiện có nhu cầu đối với xe đã thi công cải tạo trước hoặc thi công cải tạo tại các cơ sở không có giấy phép cải tạo, có trường hợp xe mua về đã làm cải tạo (không có hồ sơ cải tạo) trong và ngoài tỉnh, với giá thỏa thuận từ 700.000 đồng/xe đến 21.000.000 đồng/xe, tùy theo từng loại xe, từng mức độ cải tạo. Do **Công ty T7** không thực hiện thi công và nghiệm thu cải tạo xuất xưởng đúng theo nội dung, thiết kế đã được cơ quan thẩm định duyệt mà làm khống các tài liệu liên quan đến thi công cải tạo nhằm hợp thức hóa hồ sơ cải tạo là sai quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; nên **Trần Huy C1** đã gặp trực tiếp **Nguyễn Vũ K** để thỏa thuận về việc đưa tiền cho Tổ nghiệm thu thuộc Trung tâm Đăng kiểm 77-04D nhằm được nghiệm thu đạt, cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho các chủ phương tiện trái quy định. Cụ thể như sau:

Khi chủ phương tiện có nhu cầu cải tạo xe sẽ liên hệ với **Trần Huy C1** hoặc **Trần Văn H2** để hỏi làm các thủ tục, hồ sơ. Nếu chủ xe liên hệ với **C1** thì **C1** sẽ tư vấn và thỏa thuận giá cả rồi yêu cầu chủ xe liên hệ với **H2** để hướng dẫn làm các thủ tục. Trường hợp chủ xe liên hệ trực tiếp với **H2** thì **H2** sẽ gọi điện cho **C1** để báo giá; sau khi **C1** đồng ý, **H2** liên lạc với chủ phương tiện để thống nhất giá cả. Sau đó, **H2** gặp chủ phương tiện để đo đạc, xác định hiện trạng của xe rồi thông báo lại cho **C1** biết để thực hiện làm hồ sơ thiết kế đối với trường hợp hồ sơ có yêu cầu thiết kế.

- Đối với hồ sơ thiết kế: Nếu hồ sơ thiết kế do **Sở Giao thông vận tải tỉnh B** thẩm định thì **C1** thuê **Huỳnh Huyền V** (là nhân viên kỹ thuật xe buýt Bình Định) lập các thuyết minh kỹ thuật và vẽ thiết kế cải tạo với giá 500.000 đồng/hồ sơ; sau đó, **C1** đưa hồ sơ cho **H2** đem đến **Sở Giao thông vận tải tỉnh B** để thẩm định thiết kế. Nếu hồ sơ do Cục Đăng kiểm thẩm định, **C1** liên hệ và gửi hồ sơ cho các Công ty thiết kế (**Công ty TNHH D1**, địa chỉ: **Quận C, TP Hà Nội**; **Công ty TNHH D2**, địa chỉ: **Quận Đ, TP Hà Nội**; **Công ty Cổ phần D3**, địa chỉ: **Quận H, TP Hà Nội**; **Công ty TNHH D4**, địa chỉ: **Quận N, TP Hà Nội**) theo đường bưu điện để thiết kế và trực tiếp liên hệ tại **Cục Đ2** để thẩm định thiết kế; sau khi có Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, các Công ty trên sẽ gửi trả hồ sơ về theo địa chỉ của **Công ty T7** ghi trên hồ sơ.

- Đối với hồ sơ thi công cải tạo: **H2** lập khống Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo, tự ký vào mục chữ ký của cán bộ kỹ thuật, ký tên đóng dấu **Công ty T7** ở mục đại diện cơ sở cải tạo; lập khống các bảng kê hệ thống tổng thành thay thế và các phiếu cân trọng lượng xe sau khi cải tạo để hợp thức hóa hồ sơ thi công theo các mẫu có sẵn do **C1** lập và theo sự chỉ đạo của **C1**.

Sau khi hoàn tất các thủ tục thiết kế (đối với trường hợp có yêu cầu thiết kế), cải tạo, **C1** trực tiếp đưa hồ sơ đề nghị nghiệm thu cải tạo cho **Nguyễn Vũ K** để **Ka** phân công cho các Đảng kiểm viên trong Tổ nghiệm thu tiến hành nghiệm thu và cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho chủ phương tiện.

Vì **Công ty T7** không thực hiện thi công cải tạo theo quy định nên để được nghiệm thu đạt và cấp Giấy chứng nhận cải tạo, **Trần Huy C1** gặp trực tiếp **Nguyễn Vũ K** để đề nghị ngoài số tiền phí thu theo quy định, **C1** sẽ chi thêm cho Tổ nghiệm thu số tiền 500.000 đồng/xe để bỏ qua các sai phạm về hồ sơ khi nghiệm thu cải tạo xe của **Công ty T7**, **K** đồng ý. **Nguyễn Vũ K** nói việc này cho **Trần Đình T3** thông báo lại cho **Nguyễn Đức T** và **Ngô Văn S** biết số tiền **C1** chi cho Tổ nghiệm thu là 500.000 đồng/xe và chuyển số tiền này vào tài khoản cá nhân của **T3** để theo dõi, quản lý rồi chia lại cho 04 thành viên trong Tổ nghiệm thu (gồm: **Nguyễn Vũ K**, **Nguyễn Đức T**, **Ngô Văn S** và **Trần Đình T3**). Vì vậy, cứ sau khi nghiệm thu đạt, theo yêu cầu của **Nguyễn Vũ K**, **Trần Huy C1** chuyển tiền vào tài khoản **Trần Đình T3** với nội dung “chuyển tiền xe”, “chuyển tiền xe cải tạo”... theo số lượng xe đã nghiệm thu cải tạo trong ngày tương ứng với số tiền 500.000 đồng/xe. Việc chia tiền không chia từng xe mà khi thấy **Trần Huy C1** chuyển tiền nhiều thì **T3** sẽ báo cho **K** biết, rồi **T3** chia tiền bằng cách chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của **Nguyễn Vũ K**, **Nguyễn Đức T**, **Ngô Văn S**, phần còn lại là **T3** giữ. Đến tháng 9/2022, **Nguyễn Vũ Ka X** nghỉ việc tại Trung tâm Đăng kiểm (nghỉ trước khi có Quyết định ngày 01/11/2022) nên **Nguyễn Đức T** được phân công phụ trách Trung tâm Đăng kiểm 77-04D. Trong thời gian phụ trách, **Nguyễn Đức T** cũng thỏa thuận với **Trần Huy C1** về việc **C1** chi trả tiền cho Tổ nghiệm thu tương tự như thời gian **Nguyễn Vũ K** làm Giám đốc và thống nhất sẽ chi số tiền từ 300.000 đồng/xe đến 700.000 đồng/xe tùy từng loại xe. Số tiền này được chuyển vào tài khoản của **Nguyễn Đức T** và **Trần Đình T3**, sau đó **T**, **T3** sẽ chia lại cho 03 thành viên trong Tổ nghiệm thu gồm: **Nguyễn Đức T**, **Ngô Văn S**, **Trần Đình T3**.

Việc lập Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo là nội dung bắt buộc theo quy định của Thông tư số 85. Nội dung kiểm tra thực tế trên phương tiện xe sau khi cải tạo xong, đánh giá chất lượng, vị trí cải tạo có đúng theo nội dung cải tạo, thiết kế đã được phê duyệt hay không. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghiệm thu xe cải tạo cho **Công ty T7**, **Nguyễn Vũ K**, **Nguyễn Đức T**, **Ngô Văn S** và **Trần Đình T3** đã không thực hiện đúng theo quy trình nghiệm thu xe cơ giới cải tạo cụ thể:

- Không cân lại trọng lượng của xe khi thực hiện kiểm tra nghiệm thu đối với các xe sau cải tạo có thay đổi trọng lượng mà sử dụng các phiếu cân không của **Công ty T7**.

- Không kiểm tra nguồn gốc xuất xứ của vật tư, phụ tùng, vật liệu sử dụng trong cải tạo vật tư.

- Không kiểm tra, xác minh việc thi công cải tạo xe có đúng và đảm bảo chất lượng mặc dù biết Công ty T7 không có cơ sở thi công cải tạo theo quy định pháp luật.

4. Ông Nguyễn Văn H3 – Phó Giám đốc, Võ Văn T4 – Trưởng phòng Quản lý vận tải, Phan Thanh T5 – Chuyên viên thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh B khai nhận: Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ và các văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Sở Giao thông vận tải tỉnh B chỉ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ thiết kế cải tạo xe cơ giới, hướng dẫn các cơ sở thiết kế tại địa phương thực hiện theo đúng quy định tại Điều 7 Thông tư số 85, cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo, tổng hợp báo cáo công tác thẩm định thiết kế cho Cục Đ2, còn đối với việc thực hiện nghiệm thu cải tạo và cấp Giấy chứng nhận cải tạo do các Trung tâm Đăng kiểm chịu trách nhiệm thực hiện. Đối với công tác quản lý, theo dõi thì hàng năm Sở Giao thông vận tải tỉnh B phối hợp Đoàn kiểm tra Cục Đ2 kiểm tra các hoạt động kiểm định tại các Trung tâm Đăng kiểm. Đồng thời, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các quy định trong hoạt động kiểm định xe cơ giới đường bộ nhưng không phát hiện được việc các Đăng kiểm viên tại Trung tâm Đăng kiểm 77-04D nhận tiền của cơ sở thiết kế, cải tạo để làm sai quy định trong việc nghiệm thu cải tạo xe.

5. Quá trình điều tra xác định từ năm 2021 đến năm 2023, Trần Huy C1 đã sử dụng 02 (hai) tài khoản cá nhân mở tại Ngân hàng TMCP Đ3 (B) gồm tài khoản số 58010000074678 và 55810000171451 để chuyển tiền vào tài khoản của 02 (hai) thành viên trong Tổ nghiệm thu là Trần Đình T3 và Nguyễn Đức T để nghiệm thu cải tạo đạt, cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho 379 hồ sơ cải tạo xe ô tô của Công ty T7 (trong đó Nguyễn Vũ Ka K2 cấp 326 Giấy chứng nhận, Nguyễn Đức T ký cấp 48 Giấy chứng nhận, Ngô Văn S ký cấp 05 Giấy chứng nhận) với tổng số tiền 189.500.000 đồng, cụ thể:

- Từ ngày 03/01/2021 đến ngày 30/07/2022 (thời gian Nguyễn Vũ K làm Giám đốc Trung tâm Đ), Trần Huy C1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng B của Trần Đình T3 76 lần với tổng số tiền 166.500.000 đồng, các nội dung chuyển tiền là: “chuyển tiền xe”, “chuyển tiền xe cải tạo”..., số tiền này được chia lại cho 04 (bốn) thành viên trong Tổ nghiệm thu, cụ thể: Nguyễn Vũ Ka nhận 56.325.000 đồng, Nguyễn Đức T nhận 45.125.000 đồng, Ngô Văn S nhận 38.125.000 đồng, còn lại Trần Đình T3 nhận 26.925.000 đồng.

- Từ ngày 18/10/2022 đến ngày 18/02/2023 (thời gian Nguyễn Đức T thay Nguyễn Vũ K phụ trách Trung tâm Đăng kiểm), Trần Huy C1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng B của Nguyễn Đức T 08 (tám) lần với tổng số tiền 19.400.000 đồng và chuyển vào tài khoản Ngân hàng B số 558100000171567 của Trần Đình

T3 01 (một) lần với số tiền 3.600.000 đồng, với nội dung: “chuyển tiền xe”; số tiền này được chia lại cho 03 (ba) thành viên Tổ nghiệm thu, cụ thể: Nguyễn Đức T nhận 10.675.000 đồng, Ngô Văn S nhận 3.100.000 đồng, Trần Đình T3 nhận 9.225.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền 189.500.000 đồng mà Trần Huy C1 đã đưa hồi lộ nhiều lần cho Tổ nghiệm thu thuộc Trung tâm Đăng kiểm G Bình Định để chia nhau, cụ thể:

1. Nguyễn Vũ K đã nhận số tiền 56.325.000 đồng.
2. Nguyễn Đức T đã nhận số tiền 55.800.000 đồng.
3. Ngô Văn S đã nhận số tiền 41.225.000 đồng.
4. Trần Đình T3 đã nhận số tiền 36.150.000 đồng.

Qua xác minh 379 xe ô tô (trong đó: Hồ sơ thiết kế do Công ty T7 lập và được thẩm định tại Sở Giao thông vận tải tỉnh B: 114 hồ sơ; Công ty TNHH D1 lập 30 hồ sơ, Công ty TNHH D2 lập 14 hồ sơ, Công ty Cổ phần D3 lập 01 hồ sơ, Công ty TNHH D4 lập 01 hồ sơ và được thẩm định tại Cục Đ2; còn lại 219 hồ sơ được miễn hồ sơ thiết kế theo quy định do Công ty T7 lập không hồ sơ thi công cải tạo và được nghiệm thu cải tạo tại Trung tâm Đ): Các chủ phương tiện đều khai nhận do có nhu cầu cải tạo xe và biết Trần Huy C1 làm dịch vụ hồ sơ cải tạo nên đã liên hệ với Trần Huy C1 hoặc Trần Văn H2 để đưa tiền nhờ làm hồ sơ cải tạo cho các phương tiện đã thực hiện cải tạo trước hoặc thi công cải tạo tại các cơ sở cải tạo không đảm bảo theo quy định của pháp luật, có trường hợp chủ phương tiện tự thực hiện thi công cải tạo. Đối với hồ sơ cải tạo được thực hiện như thế nào thì các chủ phương tiện không biết rõ. Tổng số tiền Trần Huy C1 đã nhận của 379 chủ phương tiện là: 1.606.500.000 đồng. Trong đó, C1 đã chi các khoản chi phí theo quy định (chi phí thẩm định hồ sơ thiết kế; dịch vụ trước bạ, đổi đăng ký giấy tờ xe, lệ phí nộp tại Phòng Cảnh sát giao thông, phí nộp nghiệm thu cải tạo; chi phí lập, vẽ hồ sơ thiết kế và đo đạc các phương tiện...) và chi tiền cho các thành viên trong Hội đồng nghiệm thu (Ka, T, S, T3) số tiền 500.000 đồng/xe khi nghiệm thu cải tạo đạt với tổng số tiền: 1.127.790.000 đồng. Do đó, tổng số tiền C1 hưởng lợi là 1.606.500.000 đồng – 1.127.790.000 đồng = 478.710.000 đồng. Số tiền này C1 đã dùng chi trả chi phí hoạt động của Công ty T7 (trả lương cho ông H2 6.500.000 đồng/tháng, ông Đỗ Khoa T6 – Kế toán Công ty 2.000.000 đồng/tháng, tiền thuê nhà 1.500.000 đồng/tháng, chi phí khác...) với tổng số tiền 352.500.000 đồng. Còn lại 126.210.000 đồng (478.710.000 đồng – 352.500.000 đồng), C1 sử dụng vào mục đích cá nhân.

Các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền 189.500.000 đồng nêu trên, cụ thể: Nguyễn Vũ K nộp 56.325.000 đồng, Nguyễn Đức T nộp 55.800.000 đồng, Ngô Văn S nộp 41.225.000 đồng, Trần Đình T3 nộp 36.150.000 đồng. Còn Trần Huy C1 đã nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính 60.000.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm **số 44/2025/HS-ST ngày 13/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:**

Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự; áp dụng đối với bị cáo **Nguyễn Vũ K** và bị cáo **Nguyễn Đức T**;

Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; áp dụng đối với bị cáo **Ngô Văn S** và bị cáo **Trần Đình T3**;

Căn cứ điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; áp dụng đối với bị cáo **Trần Huy C1**;

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số: 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Vũ K**, **Nguyễn Đức T**, **Ngô Văn S**, **Trần Đình T3** phạm tội “Nhận hối lộ”; bị cáo **Trần Huy C1** phạm tội “Đưa hối lộ”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Vũ K** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến ngày 06/02/2024.

2.2 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến ngày 06/02/2024.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, phân án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2025, bị cáo **Nguyễn Vũ K** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 26/5/2025, các bị cáo **Nguyễn Đức T** kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: các bị cáo xin được hưởng án treo vì gia đình các bị cáo gia đình có công, Đơn vị công tác xác nhận các bị cáo hoàn thành tốt nhiệm vụ có nhiều giấy khen do cơ quan cấp.

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo thống nhất về tội danh, nhưng không đồng tình với tình tiết định khung hình phạt “phạm tội 02 lần” và theo Thông tư số 85 này còn thiếu sót nên sau đó được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 43/2023, nên có thể xem xét hành vi bị cáo gây ra không còn nguy hiểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khung hình phạt dưới khung hình phạt bị cáo đã truy tố và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo **Nguyễn Vũ K**, bị cáo **Nguyễn Đức T** và bị cáo **Ngô Văn S** là Giám đốc, Phó Giám đốc **Trung tâm Đ** (Trung tâm Đăng kiểm) từ năm 2019. Đến ngày 01/11/2022, bị cáo **Nguyễn Vũ K** nghỉ việc, bị cáo **Nguyễn Đức T** được phân công phụ trách Trung tâm Đăng kiểm đến ngày 14/09/2023.

Quá trình nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận cải tạo xe cho **Công ty TNHH T7 (Công ty T7)** do bị cáo **Trần Huy C1** quản lý, điều hành (Thực tế **Công ty T7** không thực hiện thi công cải tạo và nghiệm thu cải tạo xuất xưởng theo đúng quy định của Thông tư số 85/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của **Bộ G** quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ mà bị cáo **Trần Huy C1** chủ động làm khống các giấy tờ, thủ tục thi công cải tạo nhằm hợp thức hóa hồ sơ đăng kiểm) các bị cáo **Nguyễn Vũ K**, **Nguyễn Đức T** và **Trần Huy C1** đã thỏa thuận về việc chi tiền cho Tổ nghiệm thu của Trung tâm Đăng kiểm gồm **Nguyễn Vũ K**, **Nguyễn Đức T**, **Ngô Văn S**, **Trần Đình T3** để bỏ qua các sai phạm đối với các hồ sơ đề nghị nghiệm thu cải tạo của **Công ty T7**. Tổng số tiền **Trần Huy C1** đã chuyển để **Nguyễn Vũ K**, **Nguyễn Đức T**, **Ngô Văn S** và **Trần Đình T3** bỏ qua sai phạm trong 379 hồ sơ đề nghị nghiệm thu của **Công ty T7** là 189.500.000 đồng. Trong đó, thời gian bị cáo **Nguyễn Vũ K** làm Giám đốc, bị cáo **Trần Huy C1** đã chuyển khoản 76 lần với số tiền tổng cộng 166.500.000 đồng (cụ thể: **Nguyễn Vũ K** nhận 56.325.000 đồng, **Nguyễn Đức T** nhận 45.125.000 đồng, **Ngô Văn S** nhận 38.125.000 đồng, **Trần Đình T3** nhận 26.925.000 đồng), thời gian bị cáo **Nguyễn Đức T** thay bị cáo **Nguyễn Vũ K** phụ trách Trung tâm Đăng kiểm, bị cáo **Trần Huy C1** đã chuyển 09 lần với số tiền tổng cộng 23.000.000 đồng (cụ thể: **Nguyễn Đức T**: 10.675.000 đồng, **Ngô Văn S**: 3.100.000 đồng, **Trần Đình T3** 9.225.000 đồng).

Các bị cáo đều là Đăng kiểm viên, được đào tạo nghiệp vụ chuyên môn về đăng kiểm, biết rõ quy trình thực hiện từ thiết kế, thẩm định thiết kế, thi công cải tạo và nghiệm thu xe cơ giới có tính chất quan trọng đối với sự hoạt động, vận

hành và tính năng đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới cải tạo và hậu quả có thể xảy ra khi không làm đúng quy định theo Thông tư số 85/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ G quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng xem thường pháp luật, hám lợi bất chính, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Vũ K, Nguyễn Đức T, phạm tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Điều 345 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Vũ K, Nguyễn Đức T:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Vũ K, Nguyễn Đức T giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tình tiết định khung hình phạt “phạm tội 02 lần trở lên” và 03 lỗi mà Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát đã quy kết. Trong số 379 xe có 219 xe được miễn thiết kế thì 219 xe này sẽ không tính là tiền phạm tội ($219 \times 500.000 \text{ đồng} = 109.500.000 \text{ đồng}$) nên số tiền phạm tội sẽ dưới 100.000.000 đồng và thuộc khung hình phạt tại khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Thời điểm các bị cáo phạm tội, các bị cáo đang kiểm theo quy trình được quy định tại Thông tư số 85 ngày 30/12/2014 sau đó được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 43/2023, nên có thể xem xét hành vi bị cáo gây ra không còn nguy hiểm nữa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khung hình phạt dưới khung hình phạt bị cáo đã truy tố và cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét thấy: các bị cáo Nguyễn Vũ K, Nguyễn Đức T là những người đứng đầu có trách nhiệm quản lý của một trung tâm đăng kiểm. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo ý thức được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, vì lợi ích trước mắt, các bị cáo bất chấp. Bị cáo K và bị cáo T nhiều lần nhận tiền từ số tiền bị cáo C1 chuyển vào tài khoản của các bị cáo Ngô Văn S, Trần Đình T3 để bỏ qua các sai phạm trong quá trình thẩm định 379 hồ sơ đề nghị nghiệm thu của Công ty T7 với tổng số tiền là 189.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm hoạt động đúng đắn, uy tín của cơ quan nhà nước về công tác quản lý đăng kiểm phương tiện xe cơ giới, ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách pháp luật Nhà nước, gián tiếp gây thiệt hại khi cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cho các phương tiện không đủ điều kiện lưu hành, gây mất lòng tin của người dân đối với cơ quan nhà nước, ngành đăng kiểm. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng đối với các bị cáo theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 374 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Vũ K, Nguyễn Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Tuy nhiên, nội dung trình bày tại đơn kháng cáo của các bị cáo đã được Tòa cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá cũng như áp dụng đầy đủ các tình

tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Vũ K, Nguyễn Đức T**.

[2]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Vũ K, Nguyễn Đức T**; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Vũ K, Nguyễn Đức T**, phạm tội “Nhận hối lộ”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Vũ K** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến ngày 06/02/2024.

2.2 Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến ngày 06/02/2024.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo **Nguyễn Vũ K, Nguyễn Đức T**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV – CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn